TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh Phúc**

Bản án số: 54/2024/HS-ST
Ngày: 11-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Rmah HThuyên
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lưu Thông
2. Ông Lê Văn Do

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hải-Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Bình -Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 54/2024/TLST-HS ngày 23 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2024/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo:

N-Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 01-01-1979 tại tỉnh Gia Lai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Làng K, xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Banar; Tôn giáo: Công giáo; Trình độ học vấn: 2/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông H và bà X; Bị cáo có vợ tên là ĐANH và có 06 người con, lớn nhất sinh năm 2002; nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án; tiền sự: Không.

Ngày 28-5-2024, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ khởi tố và áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện bị cáo đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

-*Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Huỳnh Văn K-Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Gia Lai. Có mặt.

-*Bị hại:* UBND xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai

Đại diện theo ủy quyền: Bà C-Phó Chủ tịch UBND xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

-*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Đanh-sinh năm: 1979; Trú tại: Làng K,H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

-*Người phiên dịch:* Bà H1; Trú tại: Làng P, xã A, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào cuối tháng 02 năm 2024, N đi làm rẫy thì phát hiện khu rừng liền kề thuộc Lô 14, Khoảnh 8, Tiểu khu 399, địa giới hành chính xã Hà Đông, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai là khu vực trước đây bố mẹ NGIUH đã từng khai hoang trồng cây hoa màu, sau đó bỏ hoang đến nay nên N nảy sinh ý định chặt phá cây phá rừng để mở rộng diện tích đất canh tác cho gia đình. N cầm theo một con dao rựa đi bộ từ nhà vào khu vực rừng thuộc Lô 14, Khoảnh 8, Tiểu khu 399, địa phận xã H rồi dùng dao rựa chặt phá cây rừng, loại cây rừng bị chặt phá chủ yếu là: Cầy, Cám, Giẻ trắng, Trám trắng, Thành ngạnh; đường kính gốc chặt trung bình từ 03cm đến 20cm; chiều cao gốc chặt trung bình từ 30cm đến 90cm; chiều dài thân cây từ 03m đến 10m. N thực hiện hành vi chặt phá cây rừng trong thời gian 2 ngày là xong và để lại tất cả thân, cành, nhành, lá, dự định chờ một thời gian cho khô thì sẽ đốt để tạo chất dinh dưỡng rồi sẽ tiến hành canh tác trồng lúa. Trong thời gian này có vợ của N là Đ (Sinh năm 1979, trú tại làng K, xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai) cũng mang theo dao rựa đi phát cây cỏ tại rẫy của gia đình nhưng không được bàn bạc về việc phá rừng làm rẫy, không tham gia chặt phá cây rừng cùng N.

Ngày 01-4-2024, Công an huyện Đ phối hợp Hạt kiểm lâm huyện Đ, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tổ chức kiểm tra địa bàn xã H thì phát hiện vụ phá rừng trái pháp luật. Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ phối hợp Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Hạt kiểm lâm huyện Đ, Ủy ban nhân dân xã H tiến hành khám nghiệm hiện trường, kết quả như sau:

- Sử dụng máy định vị GPS-Garmin 64s xác định vị trí, tọa độ, diện tích rừng bị phá trái pháp luật, dùng thước dây cm đo đường kính, chiều cao gốc chặt:

- Vị trí: Khu rừng bị phá trái pháp luật có tọa độ trung tâm: OX 0.477.472 - OY 1.587.449 thuộc lô 14 khoảnh 8, Tiểu khu 399, do UBND xã Hà Đông quản lý.

- Phân loại rừng: Rừng tự nhiên; Quy hoạch rừng Phòng hộ; Trạng thái rừng TXN (Thường xanh nghèo).

- Diện tích rừng bị phá trái pháp luật 3300m^2 (0,33ha).

- Tại hiện trường cây rừng bị chặt phá hoàn toàn, thân cây nằm rải rác trên diện tích rừng bị chặt phá; Loài cây bị chặt phá chủ yếu cây tái sinh như Cầy, Cám, Bứa núi, Giẻ, Trám trắng, Thành ngạnh và một số cây bụi, cây phi mục đích. Đường kính gốc chặt trung bình từ 03cm đến 20cm; chiều cao gốc chặt trung bình từ 30cm đến 90cm; chiều dài thân cây từ 03m đến 10m, thân cây rừng và cành nhánh đã bị băm, cắt nham nhở, không có khả năng tận dụng gỗ; công cụ chặt hạ bằng cưa máy, rìu, rựa.

- Thời gian vào khoảng cuối tháng 02 năm 2024. Nghi vấn mục đích phá rừng lấy đất làm rẫy. Tại thời điểm kiểm tra chưa xác định được đối tượng vi phạm.

Tại Bản kết luận giám định tư pháp trong lĩnh vực Lâm nghiệp số 03/KL-GĐCN ngày 10/5/2024, ông Nguyễn Minh C2-Giám định viên tư pháp lĩnh vực lâm nghiệp kết luận:

- Vị trí lô 14 khoảnh 8, Tiểu khu 399 thuộc địa giới hành chính xã Hà Đông, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai là rừng.

- Loại rừng: rừng tự nhiên thường xanh nghèo kiệt.

- Chức năng của rừng: rừng phòng hộ đầu nguồn.

- Chủ quản lý: UBND xã Hà Đông.

- Loài cây rừng bị phá trái pháp luật: Cầy (nhóm VI), Cám (nhóm VII), Giẻ trắng (nhóm VII), Trám trắng (Nhóm VII), Thành ngạnh (nhóm V).

- Giá trị thiệt hại, giá trị phải bồi thường đối với rừng phòng hộ là rừng tự nhiên là: 29.362.012 đồng.

Về vật chứng của vụ án:

- Đối với 01 (một) dao rựa chiều dài 47cm, mũi cong, trong đó: cán làm bằng gỗ tre có chiều dài 19cm, lưỡi dao bằng sắt có chiều dài 28cm, chiều rộng 04cm do NGIUH giao nộp.

Về dân sự: Tại phiên tòa, đại diện chủ quản lý rừng là Ủy ban nhân dân xã H yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền còn lại 19.362.012 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 57/CT-VKS ngày 14-8-2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo N về tội *"Hủy hoại rừng"* quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo N với mức án từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng.

-Về dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585 và Điều 592 của Bộ luật dân, đề nghị tuyên buộc bị cáo N phải tiếp tục bồi thường cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ số tiền là 19.362.012 đồng.

- Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật ố"tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật hìnhsự;

Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 (một) dao rựa chiều dài 47cm, mũi cong, trong đó: cán làm bằng gỗ tre có chiều dài 19cm, lưỡi dao bằng sắt có chiều dài 28cm, chiều rộng 04cm do N giao nộp.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật ố"tố tụng hình sự, Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị miễn nộp tiền án phí cho bị cáo N.

Người bào chữa cho bị cáo N trình bày quan điểm bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo; ngoài ra người bào chữa đề nghị cho bị cáo được miễn nộp tiền án phí vì gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo và là đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn.

Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Bị cáo không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định:

Vào cuối tháng 02 năm 2024, N đã dùng dao rựa phá rừng trái phép tại khu vực rừng thuộc Lô 14, Khoảnh 8, Tiểu khu 399, địa giới hành chính xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai là khu vực rừng phòng hộ do Ủy ban nhân dân xã H quản lý để có đất trồng cây hoa màu. Diện tích rừng bị chặt phá là 3300m^2 (0,33ha), có giá trị thiệt hại là 29.362.012 đồng.

Hành vi phá rừng trái pháp luật của bị cáo N là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến chế độ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Bị cáo đã chặt phá rừng phòng hộ với diện tích 3300m^2 (0,33ha), có giá trị thiệt hại là 29.362.012 đồng nên hành vi của bị cáo đã phạm vào tội *"Hủy hoại rừng"* quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3]. Bị cáo phải bị xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật tương xứng với tính chất mức độ và hậu quả do bị cáo gây ra để cải tạo, giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thấy rằng:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại (thể hiện tại Biên lai thu tiền 0007519 ngày 21-8-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ); bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, trình độ học vấn thấp nên thiếu hiểu biết pháp luật. Mặt khác, Ban nhân dân đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì hoàn cảnh gia đình khó khăn. Vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử áp dụng giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Xét, bị cáo có nhân thân tốt, bản thân chưa có tiền án, tiền sự, trước khi phạm tội luôn chấp hành tốt quy định của pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, không vi phạm các điều mà pháp luật cấm. Bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được

hưởng chế định án treo và giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4]. Về dân sự: Bị cáo đã bồi thường số tiền 10.000.000 đồng cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ (thể hiện tại Biên lai thu tiền 0007519 ngày 21-8-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ). Đại diện chủ quản lý rừng là Ủy ban nhân dân xã H yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường 19.362.012 đồng. Xét yêu cầu của đại diện bị hại là có căn cứ và tại phiên tòa bị cáo đã đồng ý bồi thường nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về vật chứng: Đối với 01 (một) dao rựa chiều dài 47cm, mũi cong, trong đó: cán làm bằng gỗ tre có chiều dài 19cm, lưỡi dao bằng sắt có chiều dài 28cm, chiều rộng 04cm do N giao nộp là vật chứng không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[6]. Về án phí: Gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo và là đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn nên bị cáo được miễn nộp tiền án phí.

[7]. Về vấn đề khác: Đối với bà Đ là vợ của N, không được bàn bạc về việc phá rừng làm rẫy và không tham gia chặt phá cây rừng cùng N nên không có căn cứ xử lý đối với bà Đ với vai trò đồng phạm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo N phạm tội: *"Hủy hoại rừng"*.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50, Điều 65 của Bộ luật hìnhsự;

Xử phạt bị cáo N 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 11-9-2024).

Giao bị cáo N cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 68 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585 và Điều 592 của Bộ luật dân sự;

Bị cáo N có nghĩa vụ phải bồi thường cho Ủy ban nhân dân H, huyện Đ, tỉnh Gia Lai số tiền là 29.362.012 đồng, bị cáo đã bồi thường 10.000.000 đồng tại Biênthu tiền 0007519 ngày 21-8-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường thêm số tiền 19.362.012 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành

án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dânsự.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) dao rựa chiều dài 47cm, mũi cong, trong đó: cán làm bằng gỗ tre có chiều dài 19cm, lưỡi dao bằng sắt có chiều dài 28cm, chiều rộng 04cm.

(Đặc điểm vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06-9-2024 giữa Công an huyện Đ và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ).

4. Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội;

Cho bị cáo N được miễn nộp tiền án phí.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Đ;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Rmah HThuyên